

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DSST

Ngày: 19/7/2024

V/v: “Tranh chấp hợp tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chín

Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 210/2023/DSST ngày 01/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q (V)**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh **K'Jac L**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **số B, Ung Văn K, P.25, Q. B, T.p Hồ Chí M.**

- Bị đơn: Anh **Trần Quang T**, sinh năm 1973

Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1973

Cư trú tại: **thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.**

(Đại diện nguyên đơn có mặt, các bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP Q (V)** ông **K'Jac L** trình bày:

Ngày 24/5/2019 Ngân hàng V có ký Hợp đồng tín dụng số 5939776.19 với anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H với nội dung cho anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H vay số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Mục đích vay để mua 01 xe ô tô và mục đích tiêu dung. Thời hạn vay 72 tháng từ ngày 24/5/2019 đến ngày 24/5/2025. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25 mỗi tháng trả 3.889.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Trả lãi hàng tháng vào ngày 25, ngày trả nợ đầu tiên là 25/5/2019, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. V đã giải ngân cho khách hàng theo Đơn đề nghị giải ngân Kiêm khế ước nhận nợ số 5939776.19 ngày 24/5/2019 với số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng. Khoản vay có tài sản bảo đảm là xe ô tô Hyundai Grand, biển kiểm soát 93A – 155.72; tuy nhiên ngân hàng V không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T chị H luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh vì vậy ngân hàng V đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ 15/10/2020

Ngày 19/01/2024, anh T chị H đã thanh toán cho VIB số tiền là 94.980.486đ (trong đó, gốc: 62.224.000đ; lãi: 32.756.486đ). Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/7/2024 là 378.260.850đ, trong đó có nợ gốc là 217.776.000đ, nợ lãi là 160.484.850đ.

Nay ngân hàng V nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/7/2024 là 378.260.850đ, trong đó có nợ gốc là 217.776.000đ, nợ lãi là 160.484.850đ. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi anh T chị H thanh toán toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký. Tài liệu, chứng cứ đã giao nộp như trong hồ sơ vụ án, ngoài ra không nộp gì thêm.

Các bị đơn vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H: Qua xác minh tại xã Đ được biết vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện nay vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H không có mặt tại địa phương, địa phương không biết vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H đang cư trú tại đâu. Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đã thông báo trên Đ, B nhưng vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H không liên hệ, không đến Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Luật tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H trả Ngân hàng TMCP Q (V) là 378.260.850đ, trong đó có nợ gốc

là 217.776.000đ, nợ lãi là 160.484.850đ, tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi anh **T** chị **H** thanh toán toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng V** yêu cầu các bị đơn anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/7/2024 là 378.260.850đ, trong đó có nợ gốc là 217.776.000đ, nợ lãi là 160.484.850đ và tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi anh **T** chị **H** thanh toán toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Hội đồng xét xử thấy: **Ngân hàng V** có ký Hợp đồng tín dụng số 5939776.19 với anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** với nội dung cho anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** vay số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Mục đích vay để mua 01 xe ô tô và mục đích tiêu dung. Thời hạn vay 72 tháng từ ngày 24/5/2019 đến ngày 24/5/2025. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25 mỗi tháng trả 3.889.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Trả lãi hàng tháng vào ngày 25. Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 19/01/2024, anh **T** chị **H** đã thanh toán cho VIB số tiền là 94.980.486đ (trong đó, gốc: 62.224.000đ; lãi: 32.756.486đ); trong thời gian qua anh **T** chị **H** luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh vì vậy **ngân hàng V** đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ 15/10/2020. Phía vợ chồng anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** không đến tòa án để làm việc, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho tòa án. Khoản vay có tài sản bảo đảm là xe ô tô Hyundai Grand, biển kiểm soát 93A – 155.72; tuy nhiên **ngân hàng V** không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm nên không đặt ra.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5939776.19, ngày 24/5/2019 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/5/2019 giữa **Ngân hàng V** với anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** có nội dung **Ngân hàng V** cho anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** vay số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Như vậy có cơ sở để xác nhận khoản vay 280.000.000đ của vợ chồng anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** đối với **Ngân hàng TMCP Q (V)** là có thật; căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Luật

tổ chức tín dụng và Hợp đồng tín dụng số 5939776.19 có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[2] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, Luật Tổ chức tín dụng và Hợp đồng tín dụng số 5939776.19 ký kết ngày 24/5/2019 giữa **Ngân hàng V** với vợ chồng anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H**.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng TMCP Q (V)**; buộc các bị đơn vợ chồng anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** liên đới trả cho **Ngân hàng TMCP Q (V)** số tiền còn nợ tính đến ngày 19/7/2024 là 378.260.850đ, trong đó có nợ gốc là 217.776.000đ, nợ lãi là 160.484.850đ.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng anh **Trần Quang T**, chị **Bùi Thị H** liên đới nộp số tiền án phí DSST là 18.914.000đ; hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Q (V)** số tiền là 5.870.000đ, theo biên lai thu tiền số 0001316, ngày 01/11/2023.

3. Quyền kháng cáo bản án: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo Hợp đồng

tín dụng số 5939776.19 ký kết ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng V với vợ chồng anh Trần Quang T, chị Bùi Thị H tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH